TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 30/10/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga và ông Nguyễn Xuân Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6-Đắk Lắk

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk: Ông Nguyễn Thanh Thạnh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/10/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Văn Â, sinh năm 1968 (có mặt)
- **Bị đơn:** Phạm Chinh Thu A, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng trú tại: Thôn D, xã K, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản làm việc cũng như tại phiên toà, anh Nguyễn Văn Â *trình bày:*

Về hôn nhân : Tôi và chị Phạm Chinh Thu A tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, K, Đắk Lắk nay là UBND xã K, Đắk Lắk vào năm 2024. Trong cuộc sống vợ chồng, chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng, tôn trọng và quan tâm đến nhau. Mặc dù, chúng tôi cũng đã cố gắng nói chuyện để tìm tiếng nói chung nhưng không thành. Từ tháng 4/2025 đến nay, chúng tôi không còn chung sống cùng nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Phạm Chinh Thu A.

Về con chung và tài sản chung: Tôi và chị Phạm Chinh Thu A không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2025, chị **Phạm Chinh Thu A** *trình bày*:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn Â tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, K, Đắk Lắk nay là UBND xã K, Đắk Lắk vào năm 2024.

Ngày 04/9/2025, tôi và anh Nguyễn Văn Â đồng thuận ký đơn xin Toà án giải quyết thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, ngày 09/9/2025, tôi đã có đơn rút yêu cầu thuận tình ly hôn. Vì tôi vẫn còn tình cảm muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, tôi không muốn ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Văn Â không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/10/2025, thôn T, Krông B, *Đắk Lắk cho biết*: Hiện nay, anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A không còn chung sống cùng nhà với nhau tại nhà anh Â nữa. Còn mâu thuẫn gia đình giữa anh Â và chị A như thế nào, tôi không biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – *Đắk Lắk* tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên toà sơ thẩm.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn K, K, Đắk Lắk nay là UBND xã K, Đắk Lắk vào năm 2024. Do vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, vợ chồng mâu thuẫn với nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 4/2025 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Â đối với chị Phạm Chinh Thu A .

Về con chung, tài sản chung, nợ chung : Anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Â yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn" với chị Phạm Chinh Thu A. Các đương sự có hộ khẩu thường trú tại xã K, Đ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về tố tụng*: Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Phạm Chinh Thu A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, K, Đắk Lắk nay là xã K, Đắk Lắk vào năm 2024. Do vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, vợ chồng mâu thuẫn với nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 4/2025 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Â đối với chị Phạm Chinh Thu A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Â tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Â về việc xin ly hôn với chị Phạm Chinh Thu A.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Â và chị Phạm Chinh Thu A chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí: Chấp nhận việc anh Nguyễn Văn Â tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Nguyễn Văn Â đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 1934 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Trương Thị Huế